

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Đẹp

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:

Bà Lê Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1333/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **G**

Địa chỉ: thôn L, xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Ông **S**

Địa chỉ: thôn L, xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông S tự nguyện kết hôn, được UBND phường H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01, ngày 19/04/2006.

Quá trình chung sống giữa bà G và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông S ghen tuông vô cớ, thường hay đánh đập bà G và con nhiều lần. Cuộc sống hôn nhân của bà G và ông S không hạnh phúc, bà G không thể tiếp tục chung sống cùng ông S được nữa. Vì vậy, bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông S.

Về con chung: Bà G và ông S có 02 con chung tên là T, sinh ngày 06/07/2007 và A, sinh ngày 09/10/2012. Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G; giao hai con chung cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; về tài sản chung bà G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông S nhiều lần nhưng ông S không đến Tòa. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông S tham gia phiên tòa nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: : Bà G và ông S tự nguyện kết hôn, được UBND phường H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01, ngày 19/04/2006. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà G, giữa bà G và ông S từ lâu đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông S ghen tuông vô cớ, thường hay đánh đập bà G và con nhiều lần làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc, bản thân bà G đến nay không còn tình cảm với ông S nữa.

Tại Biên bản xác minh của Tòa án về mâu thuẫn vợ chồng, UBND xã H cũng xác nhận: ông Phương và bà G có xảy ra mâu thuẫn, mặc dù được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Như vậy đủ cơ sở kết luận: mâu thuẫn giữa bà G và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G về việc được ly hôn ông S.

Về con chung: Bà G và ông S có 02 con chung tên là T, sinh ngày 06/07/2007 và A, sinh ngày 09/10/2012. Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: bà G trình bày sở dĩ bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung vì hiện nay công việc và thu nhập của bà đã ổn định đảm bảo để chăm lo được cho các con. Về phía ông S thì từ lâu nay đã không có trách nhiệm với gia đình, không đưa tiền về cho bà nuôi con, ngoài ra còn thường xuyên đánh bà và đe dọa các con, như vậy nếu các con phải sống với ông S sẽ bị ảnh hưởng nặng nề về tâm lý và thiếu sự quan tâm, chăm sóc. Chính quyền địa phương cũng xác nhận địa phương đã nhiều lần can thiệp về việc ông S thường xuyên đánh đập bà G và đe dọa các con. Cháu T, con chung của bà G và ông S trình bày nguyện vọng được sống với mẹ vì cha lâu nay không quan tâm chăm sóc cháu và có đe dọa đánh các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận

thấy cần phải đảm bảo cho cuộc sống và sự phát triển của các cháu, chấp nhận yêu cầu của bà G, giao hai con chung là T và A cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà G không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà G và ông S không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Nguyên đơn bà G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0007848 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà G được ly hôn ông S

2. Về con chung: Bà G và ông S có 02 con chung tên là T sinh ngày 06/07/2007 và A sinh ngày 09/10/2012. Giao hai con chung cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà G không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà G và ông S đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà G và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0007848 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhân:

-TAND tỉnh Khánh Hòa

- VKSND TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

- Chi cục THA dân sự TP.NT, tỉnh Khánh Hòa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Hải